

BẾP LỬA

BẰNG VIỆT

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả:

- Bằng Việt tên thật là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê tỉnh Hà Tây
- Ông làm thơ từ những năm 1960, thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Hiện nay ông là chủ tịch Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Bài thơ được sáng tác năm 1963, thời kì kháng chiến chống Mỹ, khi tác giả đang học ngành Luật ở nước ngoài.
- Được đưa vào tập “Hương cây-Bếp lửa” của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.

b. Thể thơ

- Tự do (tám chữ kết hợp với bảy chữ, chín chữ linh hoạt)

c. Phương thức biểu đạt

Kết hợp biểu cảm, miêu tả, tự sự

3. Bố cục: 4 đoạn:

- a. Khổ 1: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà.
 - b. Bốn khổ tiếp: Hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với bếp lửa.
 - c. Khổ sáu: Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà
 - d. Khổ cuối: Người cháu đã trưởng thành, đi xa nhưng không nguôi nhớ về bà.
4. Chủ đề: Bài thơ gợi lại kỉ niệm tình bà cháu từ hình ảnh bếp lửa, qua đó thể hiện lòng thương yêu sâu sắc về người bà và nói rộng ra là cả dân tộc.

5. Nhan đề

- Ý nghĩa tả thực: Hình ảnh quen thuộc ở mỗi căn nhà, mỗi căn bếp của làng quê Việt Nam xưa.

- Ý nghĩa biểu tượng: Từ hình ảnh bếp lửa đã giúp ta cảm nhận nhiều hơn:

+ Bà là người phụ nữ tần tảo giàu đức hi sinh cũng như sáng lên ngọn lửa tình yêu, ngọn lửa niềm tin, ngọn lửa bất diệt của tình bà cháu.

+ Từ những sự chăm sóc nhỏ nhoi ấy, bà đã nhóm lên cho cháu những khát vọng, tình cảm cao đẹp.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc cho cháu(khổ 1):

a. Hình ảnh bếp lửa:

- Dòng hồi tưởng bắt nguồn từ những hình ảnh thân thương ám áp về bếp lửa.

“Một bếp lửa chồn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm”

=> Đó là những hình ảnh gần gũi, quen thuộc từ bao đời.

+ Điệp ngữ “một bếp lửa”: gây ấn tượng về hình ảnh bếp lửa gần gũi, thân thuộc với mỗi gia đình Việt Nam.

+ Từ láy "chồn vờn" (từ láy tượng hình): Làn sương sớm đang bay nhẹ nhẹ bên bếp lửa.

+ Chồn vờn sương sớm: hình ảnh tả thực, cảm nhận bằng thị giác □ Gần gũi, quen thuộc

+ Ấp iu => gợi đến bàn tay khéo léo, kiên nhẫn, tấm lòng của người nhóm bếp.

=> Gợi nhớ tuổi thơ bên bà

b. Tình cảm thương bà của người cháu

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

- Câu thơ diễn tả trực tiếp thành lời tình yêu thương của cháu dành cho bà.
- Cụm từ “biết mấy nắng mưa” □ sự vất vả của cuộc đời bà và tình thương của cháu dành cho bà cũng bền bỉ qua năm tháng
- Cách nói ẩn dụ gợi lên những lo toan vất vả của bà.

2. Hồi tưởng về bà và những kỉ niệm thơ sông bên bà.

a. Những kỉ niệm khi cháu bốn (khổ 2)

- + Bốn tuổi quen mùi khói : đó là những năm tháng gian khổ thiếu thốn. Chứng kiến bao gian nan, vất vả...của bà
- + Thành ngữ “đói mồm mòn”: chỉ cái đói kéo dài, kiệt sức.
- + Từ miêu tả “khô rạc ngựa gầy”: cái đói bao trùm lên mọi sinh vật sống.
- => sự xót xa ám ảnh về nạn đói 1945 với hình ảnh hết sức tiêu biểu, tác giả đã gợi lại quá khứ đau thương của người dân đất nước.
- + “khói hun nhèm mắt, sống mũi còn cay”: vừa tả thực về cuộc sống gian khổ vừa diễn tả cảm xúc mãnh liệt khi nhớ về tuổi thơ gian khổ.
- => Bếp lửa hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như cưu mang đùm bọc đầy chăm chút của bà.

b. Kỉ niệm tám năm ròng kháng chiến cùng bà (khổ 3)

- Hồi ức khắc khoải về tiếng tu hú:
- + 4 lần tiếng chim tu hú lặp lại
- =>trỗi dậy những hoài niệm nhớ mong
- Hồi ức về tình yêu thương, che chở của bà
- + Những câu chuyện bà kể cháu nghe
- +Bà bảo, bà dạy, bà chăm: cử chỉ việc làm tận tụy đầy yêu thương che chở đùm bọc của bà
- Tình cảm của cháu khi xa bà

+ Câu hỏi tu từ: kêu chi hoài...

=> Nỗi nhớ khôn nguôi, khắc khoải

+ Hai từ « bà », « cháu » nhắc lại nhiều lần

=> quán quýt không rời

c. Kỷ niệm về bà và cháu trong những năm giặc đốt làng

- Hoàn cảnh : giặc đốt làng => khó khăn, vất vả, gian khổ

+ Túp lều tranh cháy tàn cháy rụi nhưng bà dặn « cứ bảo nhà vẫn được bình yên »
=> lời dặn của bà chứa tình cảm tấm lòng của một người mẹ giàu đức hi sinh, giàu nghị lực.

=> Phẩm chất của bà mẹ VN anh hùng

3. Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa:

a. Suốt cuộc đời bà vất vả, cực nhọc

“Lận đận đời bà....tuổi nhỏ”

- Từ láy “lận đận”, điệp từ “nắng mưa” (lặp lại khổ 1)

=> nhấn mạnh cuộc đời bà đầy vất vả lo toan

b. Ý nghĩa cao cả, thiêng liêng về việc nhóm lửa

- Điệp từ “nhóm” (4 lần) với hai lớp nghĩa:

+ Nghĩa thực: nhóm lửa trong gian bếp để giữ bữa cơm gia đình, mái ấm gia đình

+ Nghĩa ẩn dụ: tình yêu thương ruột thịt, nhóm tình đoàn kết chia sẻ làng xóm, nhóm tâm tình tuổi nhỏ, ước mơ, niềm tin.

=> Bà tần tảo, chịu thương chịu khó, lặng lẽ hi sinh cả một đời. Ngọn lửa sưởi ấm, san sẻ " những tâm tình tuổi thơ".

c. Cảm xúc của tác giả khi khám phá ra ý nghĩa của bếp lửa

“Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!”

+ Đảo ngữ + câu cảm thán “ôi”: sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng xúc động.

=> cháu nhớ về bà, nhớ về bếp lửa đồng thời nhớ về gia đình, quê hương, cội nguồn

=> Bếp lửa được nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà. Từ ngọn lửa, cháu nhận ra cả một niềm tin dai dẳng về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn một dân tộc: vất vả gian lao mà nghĩa tình. Bà không chỉ nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa

4. Trục tiếp bộ phận nổi nhớ bà trong xa cách

- Suốt bài thơ 10 lần hình ảnh bếp lửa xuất hiện

=> nỗi nhớ về bà dâng tràn mãnh liệt

- Điệp từ “trăm”: khái quát khẳng định cháu đã lớn, trưởng thành

- “Nhưng”: lời tâm sự nỗi lòng khôn nguôi bên bếp lửa

- Câu hỏi tu từ kết thúc bài: mở ra nỗi nhớ, niềm hoài vọng thiết tha về bà.

=> tấm lòng thiêng liêng kì diệu nâng đỡ cháu trong cuộc đời

III. Tổng kết

1. Nội dung:

Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về những người bà, những người mẹ, về nhân dân nghĩa tình.

2. Nghệ thuật:

- Xây dựng hình ảnh thơ vừa cụ thể, gần gũi

- Viết theo thể thơ tám chữ

- Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt.